1. **CHUẨN ĐẦU RA**
2. **Về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Trên cơ sở khảo sát nhu cầu các bên liên quan, chương trình đào tạo cao học ngành Hệ thống Thông tin được xây dựng nhằm đào tạo người học đáp ứng các yêu cầu về năng lực đạt được sau khi tốt nghiệp như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR cấp 1** | **CĐR cấp 2** | **CĐR cấp 3** | **Môn học đáp ứng CĐR** |
| LO 1. Kiến nền tảng về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội phục vụ ngành HTTT | 1.1. Kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên phục vụ ngành HTTT | 1.1.1 Hiểu kiến thức Toán | - Toán học |
|  |  | 1.1.2 Hiểu kiến thức về Lý thuyết HTTT | - Lý thuyết thông tin  - Thống kê trong kinh doanh |
|  | 1.2. Kiến thức nền tảng về khoa học xã hội và đạo đức nghề nghiệp phục vụ ngành HTTT | 1.2.1 Hiểu kiến thức về lý luận | - Triết học |
|  |  | 1.2.2 Nhận thức về đạo đức nghề nghiệp | - Phương pháp NCKH |
| LO 2. Kiến thức chuyên sâu của ngành HTTT | 2.1. Kiến thức về Quản trị Hệ thống thông tin | 2.1.1 Hiểu kiến thức về lãnh đạo và quản trị doanh nghiệp | - Kỹ năng lãnh đạo và quản trị doanh nghiệp  - Công nghệ thương mại điện tử  - Hệ kinh doanh điện tử |
|  |  | 2.1.2 Hiểu hoạch định và quản trị chiến lược CNTT | - Hoạch định và quản trị chiến lược CNTT |
|  | 2.2. Kiến thức về Hệ thống thông tin quản lý | 2.2.1 Phân tích thiết kế hệ thống thông tin nâng cao | - Phân tích thiết kế hệ thống thông tin nâng cao  - Xây dựng hệ thống phần mềm di động |
|  |  | 2.2.2 Hiểu về an toàn và bảo mật Hệ thống thông tin | - An toàn và bảo mật thông tin  - Lý thuyết thông tin |
|  | 2.3 Kiến thức về Phân tích dữ liệu | 2.3.1 Phân tích dữ liệu kinh doanh | - Phân tích dữ liệu kinh doanh  - Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao  - Phân tích dữ liệu lớn và điện toán đám mây  - Hệ cơ sở dữ liệu tiên tiến  - Công nghệ Blockchain |
|  |  | 2.3.2 Phân tích Quản trị CNTT và quản lý rủi ro | - Quản trị CNTT và quản lý rủi ro  - Hoạch định và quản trị chiến lược CNTT  - Hệ hỗ trợ quyết định |
| LO 3. Có khả năng lập luận phân tích, tư duy hệ thống và giải quyết vấn đề | 3.1 Có khả năng phân tích, thiết kế và lập giải pháp cho các vấn đề trong lĩnh vực HTTT | 3.1.1 Khả năng về phân tích thiết kế, lập trình ứng dụng các HTTT | - Hệ cơ sở dữ liệu tiên tiến  - Phân tích thiết kế hệ thống thông tin nâng cao  - Xây dựng hệ thống phần mềm di động |
|  |  | 3.1.2 Khả năng vận dụng lập giải pháp cho các vấn đề trong lĩnh vực HTTT | - Quản lý hệ thống thông tin  - Hệ kinh doanh điện tử |
|  | 3.2 Khả năng tư duy hệ thống và quản lý đề án HTTT | 3.2.1 Sử dụng khả năng tư duy hệ thống | - Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp nâng cao  -Hệ hỗ trợ quyết định |
|  |  | 3.2.2 Sử dụng khả năng quản lý đề án HTTT | -Quản lý hệ thống thông tin  -Hệ hỗ trợ quyết định  - An toàn bảo mật thông tin |
| LO 4. Có khả năng nghiên cứu khoa học và giao tiếp xã hội. | 4.1 Có khả năng nghiên cứu và khám phá tri thức trên các lĩnh HTTT | 4.1.1 Khả năng tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới trong lĩnh vực HTTT | -Toán học  -Hệ thống thông tin địa lý nâng cao  - Hệ thống thông tin đa phương tiện  - Hệ thống thông tin di động  - Thống kê trong kinh doanh |
|  |  | 4.1.2 Khả năng trình bày các báo cáo học thuật | - Phương pháp NCKH |
|  | 4.2 Có khả năng giao tiếp xã hội, khả năng điều hành nhóm công tác | 4.2.1 Khả năng giao tiếp trong môi trường làm việc | - Phương pháp NCKH  - Kỹ năng lãnh đạo và quản trị doanh nghiệp |
|  |  | 4.2.2 Khả năng điều hành nhóm công tác | - Phương pháp NCKH  - Kỹ năng lãnh đạo và quản trị doanh nghiệp |
| LO 5. Ngoại ngữ | 5.1. Kỹ năng giao tiếp nói, viết tổng quát | 5.1.1 Các kỹ năng về ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của ĐHQG-HCM | - Ngoại ngữ |
|  | 5.2. Đọc hiểu tài liệu và viết báo cáo chuyên môn bằng ngoại ngữ | 5.2.1 Các kỹ năng về ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của ĐHQG-HCM | - Ngoại ngữ |
| LO 6. Hiểu bối cảnh và nhu cầu xã hội và có kỹ năng xây dựng ý tưởng, thiết kế, xây dựng và triển khai ứng dụng | 6.1 Hiểu về hoạt động doanh nghiệp và môi trường kinh doanh trong lĩnh vực HTTT | 6.1.1 Hiểu về hoạt động quản trị doanh nghiệp CNTT | - Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp nâng cao  - Công nghệ thương mại điện tử  - Hệ kinh doanh điện tử  - Công nghệ Blockchain |
|  |  | 6.1.2 Khả năng lập giải pháp nâng cao sức cạnh tranh cho doanh nghiệp CNTT | - Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp nâng cao  - Phân tích dữ liệu lớn và điện toán đám mây  - Thống kê trong kinh doanh |
|  | 6.2 Có khả năng xây dựng kế hoạch, lập dự án, tổ chức, điều hành và triển khai dự án HTTT | 6.2.1 Khả năng xây dựng kế hoạch và lập dự án HTTT | - Quản lý hệ thống thông tin  - Hệ kinh doanh điện tử  - Hệ hỗ trợ quyết định  - Phân tích dữ liệu kinh doanh  - Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao  - Quản trị CNTT và quản lý rủi ro  - Công nghệ Blockchain |
|  |  | 6.2.2 Khả năng tổ chức, điều hành và triển khai dự án HTTT | - Quản lý hệ thống thông tin  - Hệ kinh doanh điện tử  - Hệ hỗ trợ quyết định  - Phân tích dữ liệu kinh doanh  - Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao  - Quản trị CNTT và quản lý rủi ro  - Xây dựng hệ thống phần mềm di động |